

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lầy

Ông Vũ Văn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 952/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 986/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, ĐKKHKT: Số 11/85/275 Trần Nguyên H, phường Ngh, Quận L, thành phố Hải P; chỗ ở: Tổ 14, phường L, quận K, thành phố H (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Trịnh Quang Đ, trú tại: Số 11/85/275 Trần Nguyên H, phường Ngh, Quận L, thành phố H; chỗ ở: Tổ 14, phường L, quận K, thành phố H (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ có đăng ký kết hôn ngày 07/5/1996, tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận Ng, thành phố H. Trước khi kết hôn chị Th và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại số 11/85/275 Trần Nguyên H, phường Ngh, Quận L, thành phố H; sau đó vợ chồng chị Th chuyển đến

Tổ 14, phường L, quận K, thành phố H sinh sống từ đầu năm 2012 đến nay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm trong cách sống cũng như cách làm ăn kinh tế; anh Đ không quan tâm đến gia đình, vợ, con, thường xuyên say sưa về quây phá rồi gây sự, làm phiền toái đến mọi người trong gia đình, dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, mệt mỏi, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài từ năm 2012 đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ có ba con chung là Trịnh Thúy H, sinh ngày 10/6/1997, Trịnh Thu H, sinh ngày 26/5/2001 và Trịnh Nhất Đ, sinh ngày 27/5/2011. Nay ly hôn chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Nhất Đ đến khi con trưởng thành, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Trịnh Thúy H và Trịnh Thu H đã đến tuổi trưởng thành, các con đều khỏe mạnh và phát triển bình thường nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng đối với con chung là Trịnh Thúy H và Trịnh Thu H.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trịnh Quang Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Quang Đ và chị Lê Thị Th có đăng ký kết hôn ngày 07/5/1996, tại Ủy ban nhân dân phường Lê L, Quận Ng, thành phố H. Trước khi kết hôn anh Đ, chị Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 231 Trần Nguyên H, Quận L, thành phố H; đến tháng 3/1999 chuyển đến số 11/85/275 Trần Nguyên H, phường Ngh, Quận L, thành phố H; đến năm 2014 chuyển nhà đến Tổ 14, phường L, quận K, thành phố H ở từ đó đến nay. Từ đó đến nay anh Đ vẫn ở cùng vợ, con; thời gian đầu chung sống vui vẻ, hạnh phúc; đến tháng 10/2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời, hay uống bia rượu nên không tập trung cho gia đình, hay mắng vợ, con; sống chung một nhà nhưng 6 – 7 tháng vợ chồng không quan tâm đến đời sống của nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng có được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Tuy nhiên anh Đ không đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh Trịnh Quang Đ và chị Lê Thị Th có ba con chung là Trịnh Thúy H, sinh ngày 10/6/1997, Trịnh Thu H, sinh ngày 26/5/2001 và Trịnh Nhất Đ, sinh ngày 27/5/2011. Khi ly hôn anh Đ đồng ý để chị Thủy được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Nhất Đ đến khi con trưởng thành; đối với con chung là Trịnh Thúy H và Trịnh Thu H đã đến tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Trịnh Quang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/9/2019 thể hiện nguyện vọng của cháu Trịnh Nhất Đ là được ở với mẹ là Lê Thị Th.

Tại đơn đề nghị ngày 29/10/2019, bà Lý A L là mẹ đẻ của chị Th cung cấp: Năm 2014 chị Th và anh Đ bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh Đ uống bia rượu về chửi con cái, cờ bạc gây đến nợ lẩn, không quan tâm đến gia đình, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vẫn xảy ra.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều do các đương sự cung cấp; Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; vụ án không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 26 tháng 8 năm 2019 Tòa án nhân dân quận K nhận được hồ sơ khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Th do Tòa án nhân dân Quận L, thành phố H chuyển. Chị Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Quang Đ, giải quyết về việc nuôi con khi ly hôn; bị đơn là anh Trịnh Quang Đ trú tại tổ 14, phường L, quận K thành phố H do vậy Tòa án nhân dân Quận L chuyển đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường L, Quận Ng, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 07/5/1996. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn là anh Trịnh Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ 2. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trịnh Quang Đ.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Th và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; anh Đ không quan tâm đến gia đình, vợ, con, thường xuyên say sấn về quây phá, mắng vợ con đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài nhiều năm nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần khuyên chị Th rút đơn khởi kiện để về đoàn tụ chung sống cùng anh Đ nhưng chị Th vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ có 03 con chung là Trịnh Thúy H, sinh ngày 10/6/1997; Trịnh Thu H, sinh ngày 26/5/2001; Trịnh Nhất Đ, sinh ngày 27/5/2011. Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ thống nhất

thỏa thuận: Giao cho chị Lê Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Nhất Đ, sinh ngày 27/5/2011 đến khi con đủ 18 tuổi. Các con chung là Trịnh Thúy H, sinh ngày 10/6/1997 và Trịnh Thu , sinh ngày 26/5/2001 đều đã đến tuổi trưởng thành, chị Th, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sự thỏa thuận này của chị Th và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp thực tế, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần được ghi nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; nếu sau khi ly hôn chị Th, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Th, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Trịnh Quang Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Nhất Đ, sinh ngày 27/5/2011 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Các con chung là Trịnh Thúy H, sinh ngày 10/6/1997 và Trịnh Thu H, sinh ngày 26/5/2001 đều đã đến tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hay không có khả năng lao động, chị Th, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Thủy, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Lê Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007352 ngày 04/9/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Lê Thị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trịnh Quang Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường L, Ngõ Qu, HP.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bình Nguyễn Công Biên

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hóa Vũ Văn Lầy

Nguyễn Thị Lan Hương

